

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 421/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài PH.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuần;
2. Ông Nguyễn Phúc Viễn.

- ***A ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – A ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Ngọc Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp Q, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Hiền T, sinh năm 1982(xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/06/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2012 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 16/01/2012.

Qua quá trình chung sống, Chị và anh T đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 05/02/2016;

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng và anh T thường bỏ nhà đi đâu không biết, không chăm lo cho gia đình. Chị đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2020 cho đến nay.

Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh T. Khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết tài sản, nợ và con chung.

* Tại biên bản hòa giải và đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Trần Hiền T trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị H về hôn nhân, con, tài sản và nợ chung nhưng Anh không đồng ý ly hôn với chị H với lý do vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Khi ly hôn, giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu A. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn khởi kiện đối với anh T. Anh T có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H có đơn xin ly hôn với anh T. Chị H và anh T có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với anh T.

Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh T, là do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng và anh T không chăm lo cho gia đình. Chị H đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa và chị H đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Đối với anh T, trình bày không đồng ý ly hôn với chị H nhưng Anh không có phương pháp hàn gắn gia đình nhằm đoàn tụ cùng chị H.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T là có thật, là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H để tạo điều kiện cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung hiện đang sống cùng chị H nên cần đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu A nên cần giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh T, anh có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Chị H được ly hôn với anh Trần Hiền T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 05/02/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu A.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị H phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Chị đã nộp theo biên lai thu số 0003829 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như chị H đã thực hiện xong.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo, riêng anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương